

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 08-9-2020

*“V/v thực hiện nghĩa vụ tài  
sản do người chết để lại”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng

Ông Nguyễn Văn Gạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang:** Ông Trương Công Hòa  
- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc *“Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Thông báo hoãn phiên tòa số 34/TB-TA ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trương Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn N, xã Điện Q, thị xã Đ, tỉnh N. Người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Dương 1, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946 và ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Khu 8, thôn M, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967
2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1968
3. Bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1970
4. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981
5. Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1978
6. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1984
7. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1986

8. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Khu 8, thôn M, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Q C, xã Hòa C, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Quá G, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến, bản trình bày ý kiến bổ sung và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:*

Ngày 02/12/2013, bà Trương Thị B có mua của ông Nguyễn Văn C 01 lô đất, diện tích 150m<sup>2</sup>, chiều ngang 5m, chiều dài 30m, giá chuyển nhượng 195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng), đất tọa lạc tại khu 8, M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hai bên có viết giấy nhận tiền đặt cọc ngày 02/12/2013. Thực hiện thỏa thuận, bà B đã đặt cho ông C 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền cọc; hai bên cũng cam kết ông C là người có trách nhiệm nộp các loại phí, lệ phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông C đã nhận được thông báo nộp tiền thuế đất nhưng không có tiền nộp và thường xuyên đau ốm cần tiền chữa bệnh nên gia đình ông C nhận thêm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền cọc của bà B vào ngày 20/5/2014. Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn C nhận của bà B là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Gia đình ông C hẹn đến ngày ra công chứng và bà B sẽ giao đủ số tiền còn lại.

Nhưng gia đình ông C không thực hiện đúng thỏa thuận nên đến nay bà B vẫn chưa ký hợp được đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gia đình ông C cũng không cung cấp hồ sơ về thửa đất cho bà B để bà B làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà B đã nhiều lần gọi điện và chủ động gặp mặt trực tiếp để yêu cầu ông Nguyễn Văn C hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông C cứ hẹn lần mãi. Năm 2017 bà B khởi kiện ông C để đòi lại tiền đặt cọc và phạt cọc nhưng đang trong quá trình khởi kiện thì ông C chết (khi chết không để lại di chúc) nên bà B đã rút đơn khởi kiện. Năm 2019 bà B khởi kiện các đồng thừa kế của ông C để đòi số tiền đã giao cho ông C và gia đình ông C. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T (là vợ và con của ông C) cứ hứa hẹn từ lần này đến lần khác, cho đến nay vẫn không trả tiền cho bà B nên bà Trương Thị B yêu cầu tòa án buộc bị đơn bà H và ông T; cùng các đồng thừa kế của ông C gồm các ông (bà) Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L trả lại:

Số tiền đặt cọc ngày 02/12/2013 là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và phải chịu phạt cọc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng); tổng cộng là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đã chuyển cho ông Nguyễn Văn C ngày 20/5/2014 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/5/2014 tính đến ngày 21/4/2019 là 49.205.479đ (bốn mươi chín triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm B chín đồng).

Tổng số tiền yêu cầu trả là 229. 205.479đ (hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm B chín đồng).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu tiền phạt cọc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và điều chỉnh cách tính tiền lãi chậm trả trên số tiền 120.000.000 đồng, không phải 100.000.000 đồng như khởi kiện lúc đầu. Tiền lãi được áp dụng từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2020) theo hai thời điểm, cụ thể:

Từ ngày 15/9/2015 đến ngày 31/12/2016, với lãi suất 9%/năm là 120.000.000đ x 473 ngày x 9% = 13.995.616 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 08/9/2020 với lãi suất 10%/năm là 120.000.000đ x 1.346 ngày x 10% = 44.252.055 đồng.

Như vậy tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu phải trả là 178.247.671đ (một trăm B mươi tám triệu, hai trăm bốn B ngàn, sáu trăm B một đồng).

*Bị đơn* bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp C, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H và ông T vẫn vắng mặt không có lý do và ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến Hnh lấy lời khai bà Nguyễn Thị H ngày 26/02/2020, bà H trình bày như sau: Khi còn sống ông Nguyễn Văn C chồng bà có bán đất cho bà Trương Thị B, nhưng giá bao nhiêu bà không biết, chỉ biết ông C có nhận của bà B 120.000.000 đồng, vào hai đợt ngày 02/12/2013 và ngày 20/5/2014. Nay bà B khởi kiện bà cùng các con của ông C yêu cầu trả lại tiền gốc 120.000.000 đồng, tiền phạt cọc 60.000.000 đồng và tiền lãi 49.205.479 đồng; tổng số tiền phải trả cho bà B là 229.205.479 đồng, bà đồng ý trả lại tiền gốc 120.000.000 đồng, còn tiền phạt cọc 60.000.000 đồng và tiền lãi 49.205.479 đồng bà xin bà B xem xét không yêu cầu vì hiện nay bà đang gặp khó khăn. Bà Hận xin trả trong thời gian sớm nhất.

Ngoài ra, bà Hận cũng thừa nhận ông C có tài sản chung với bà là quyền sử dụng đất 2.210m<sup>2</sup> đất tại thửa 497, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng và xác định Hng thừa kế của ông C gồm bà (Nguyễn Thị H) và 11 người con, cụ thể như sau: Các ông (bà) Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q (đây là con riêng ông C), Nguyễn Đình L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* gồm các ông (bà) Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị

Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo, trừ bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt họ.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 305, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 280, 357, 468, 615, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình T.

Buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Các ông (bà) Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C là phải trả cho bà Trương Thị B số tiền là 178.247.671đ (một trăm B mươi tám triệu, hai trăm bốn B ngàn, sáu trăm B một đồng).

Đối với tiền phạt cọc nguyên đơn xin rút lại nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Đối với việc nguyên đơn điều chỉnh cách tính tiền lãi nằm trong phạm vi khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm, bên thua kiện thực hiện nghĩa vụ phải chịu theo quy định của pháp luật, nhưng do bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi T1 luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Bà Trương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nH dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết về “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình T, trú tại khu 8, thôn M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà B là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông (bà) Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

*Về nội dung:*

[1] Ngày 02/12/2013, bà Trương Thị B có mua của ông Nguyễn Văn C 01 lô đất, diện tích 150m<sup>2</sup>, chiều ngang 5m, chiều dài 30m, giá chuyển nhượng 195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng), đất tọa lạc tại khu 8, M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hai bên có viết giấy tay. Bà B đã đặt cọc cho ông C 20.000.000 đồng ngày 02/12/2013, ngày 20/5/2014 bà B đưa thêm cho ông C 100.000.000 đồng; tổng số tiền bà B đưa cho ông C là 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ông C là người có trách nhiệm nộp các loại phí, lệ phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận hẹn đến ngày ra công chứng sẽ giao đủ. Nhưng sau đó ông C vẫn không thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng đất và giao sổ đỏ cho bà B.

Năm 2017 ông C chết, không để lại di chúc, nay bà B yêu cầu các đồng thừa kế của ông C gồm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông (bà) Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L là các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn C trả lại số tiền 178.247.671đ (một trăm B mươi tám triệu, hai trăm bốn B ngàn, sáu trăm B một đồng), trong đó: 120.000.000 đồng ông Nguyễn Văn C đã nhận và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 58.247.671đ (năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi B ngàn, sáu trăm B một đồng).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 02/12/2013 giữa bà Trương Thị B và ông Nguyễn Văn C có thỏa thuận mua bán 01 lô đất có diện tích 150m<sup>2</sup>, chiều ngang 5m, chiều dài 30m, giá chuyển nhượng 195.000.000 đồng, đất tọa lạc tại khu 8, M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng với giá 195.000.000 đồng, nên việc bà B đã đặt tiền cọc 20.000.000 đồng vào ngày 02/12/2013 và đưa thêm 100.000.000 đồng vào ngày 20/5/2014 cho ông C, ông C đã nhận đủ 120.000.000 đồng, có viết giấy nhận tiền, vợ ông C là bà H biết việc ông C nhận tiền bán đất cho bà B, con ông C là ông Nguyễn Đình T cùng ký vào giấy nhận tiền bán đất trên, nhưng từ đó đến nay ông C và gia đình ông C vẫn không thực hiện việc chuyển nhượng đất cho bà B, nay bà B khởi kiện đòi lại số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu điều chỉnh tiền lãi trên số tiền 120.000.000 đồng, không phải trên số tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn và tính tiền lãi từ ngày 15/9/2015

đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 là 9%/năm và Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc điều chỉnh tiền lãi và cách tính tiền lãi trên của nguyên đơn nằm trong phạm vi khởi kiện và phù hợp với tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, bởi theo giấy hẹn công chứng đề ngày 14/7/2015 giữa bà B với ông C, thì hai bên cam kết trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký giấy hẹn (ngày đến hạn là 14/9/2015) ông C sẽ giao sổ đỏ cho bà B, nếu hết thời gian trên ông C không thực hiện đúng cam kết thì ông C trả lại số tiền cọc 20.000.000 đồng và tiền đưa thêm 100.000.000 đồng; tổng cộng là 120.000.000 đồng. Đến hạn, ông C vẫn không giao sổ đỏ cho bà B và hai bên cũng không ký kết bất kỳ hợp đồng nào khác, do đó từ ngày 15/9/2015 ông C đã vi phạm cam kết nên nội dung thỏa thuận chuyển nhượng đất ngày 14/7/2015 giữa ông C và bà B bị chấm dứt và chuyển tHnh quan hệ đòi tiền. Do đó, bà B yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử 08/9/2020/120.000.000 đồng, theo mức lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 là 9%/năm và Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm, với số tiền 58.247.671đ (năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi B ngàn, sáu trăm B một đồng) là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Ông Nguyễn Văn C chết năm 2017, khi chết không để lại di chúc, ông C có vợ là bà Nguyễn Thị H và 11 người con gồm các ông (bà) Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L. Ông C có tài sản là thửa đất số 497, tờ bản đồ số 3 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 622437 do Sở Tài nguyên và Môi trường tHnh phố Đà Nẵng cấp ngày 03/3/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C, tọa lạc tại thôn M, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng, theo kết quả định giá tài sản theo giá NH nước, thì giá trị tài sản trên của hộ ông C có giá 375.100.000 đồng. Giá trị tài sản trên cao hơn nghĩa vụ các đồng thừa kế phải thực hiện.

Hiện tài sản chưa chia, do đó các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn C, phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho ông C.

[2.4] Đối với việc nguyên đơn xin rút phần yêu cầu buộc bị đơn phải chịu 60.000.000 đồng tiền phạt cọc, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu rút của nguyên đơn.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà B nên các ông (bà) Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nhưng do bà H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.730.136 đồng cho bà B.

Đối với tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn tự chi và tự nguyện chịu nên không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 305, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;  
- Điều 280, 357, 468, 615, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình T về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn C gồm: Các ông (bà) Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Trương Thị B số tiền là 178.247.671đ (một trăm B mươi tám triệu, hai trăm bốn B ngàn, sáu trăm B một đồng).

Kể từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án mà người phải thi Hnh án không thi Hnh, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi Hnh án tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình T về việc yêu cầu bà H và ông T phải chịu 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền phạt cọc.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các ông (bà) Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh S, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình L phải chịu 8.169.685đ (tám triệu, một trăm sáu chín ngàn, sáu trăm tám lăm đồng); tương ứng mỗi người chịu 742.698đ (B trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm chín tám đồng).

- Hoàn trả cho bà Trương Thị B số tiền tạm ứng án phí 5.730.136đ (năm triệu, B trăm ba mươi ngàn, một trăm ba sáu đồng) đã nộp tại biên L thu số 0002289 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Hoà Vang.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Anh**